



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ell

tu

jo

nosaltres

allò

ella

què

ells

vosaltres

per què

on

qui

quan

quin

com

realment

si

llavors

no

perquè

però

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tot

allò

això

aquí

i

o

dreta

esquerra

allà

M
matí
matins

F
tarda
tardes

ara

M
vespre
vespres

M
matí
matins

F
nit
nits

F
hora
hores

F
mitjanit
mitjanits

M
migdia
migdies

M
dia
dies

M
segon
segons

M
minut
minuts

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

M
curs
cursos

M
mes
mesos

F
setmana
setmanes

demà

avui

ahir

M
dimecres
dimecres

M
dimarts
dimarts

M
dilluns
dilluns

M
dissabte
dissabtes

M
divendres
divendres

M
dijous
dijous

M
home
homes

F
dona
dones

M
diumenge
diumenges

F
núvia
núvies

M
nuvi
nuvis

M
amor
amors

M
sexe
sexes

M
petó
petons

M
amic
amics

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

M
noi
nois

F
noia
noies

M
nen
nens

F
mare
mares

M
pare
pares

F
mare
mares

M
fill
fills

M
pares
pares

M
pare
pares

M
germà petit
germans petits

F
germana petita
germanes petites

F
filla
filles

M
marit
marits

M
germà gran
germans grans

F
germana gran
germanes grans

sempre

cada

F
esposa
esposes

ja

una altra vegada

en realitat

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

més

la majoria

menys

fora

molt

cap

a prop

lluny

dins

al costat

damunt

sota

tothom

darrere

davant

F
primavera
primaveres

altre

junts

M
hivern
hiverns

F
tardor
tardors

M
estiu
estius

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

M
març
marços

M
febrer
febrers

M
gener
geners

M
juny
junys

M
maig
maigs

M
abril
abril

M
setembre
setembres

M
agost
agosts

M
juliol
juliols

M
desembre
deseembres

M
novembre
novembres

M
octubre
octubres

sud

est

nord

immediatament

sovint

oest

encara que

de sobte

Số

0	1	2
3	4	5
6	7	8
9	10	11
12	13	14
15	16	17
18	19	20

dos

un

zero

cinc

quatre

tres

vuit

set

sis

onze

deu

nou

catorze

tretze

dotze

disset

setze

quinze

vint

dinou

divuit

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

vint-i-sis

vint-i-dos

vint-i-u

trenta-tres

trenta-u

trenta

quaranta-u

quaranta

trenta-set

cinquanta

quaranta-vuit

quaranta-quatre

cinquanta-nou

cinquanta-cinc

cinquanta-u

seixanta-dos

seixanta u

seixanta

setanta-u

setanta

seixanta-sis

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

100

101

105

110

151

200

202

206

220

262

300

vuitanta

setanta-set

setanta-tres

vuitanta-vuit

vuitanta-quatre

vuitanta-u

noranta-cinc

noranta-u

noranta

cent u

cent

noranta-nou

cent cinquanta-u

cent deu

cent cinc

dos-cents sis

dos-cents dos

dos-cents

tres-cents

dos-cents seixanta-dos

dos-cents vint

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

600

601

606

616

660

700

702

tres-cents trenta

tres-cents set

tres-cents tres

quatre-cents quatre

quatre-cents

tres-cents setanta-tres

quatre-cents vuitanta-quatre

quatre-cents quaranta

quatre-cents vuit

cinc-cents nou

cinc-cents cinc

cinc-cents

sis-cents

cinc-cents noranta-cinc

cinc-cents cinquanta

sis-cents-setze

sis-cents sis

sis-cents u

set-cents dos

set-cents

sis-cents seixanta

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

1000

1001

1012

1234

2000

2002

2023

2345

set-cents setanta

set-cents vint-i-set

set-cents set

vuit-cents vuit

vuit-cents tres

vuit-cents

nou-cents

vuit-cents vuitanta

vuit-cents trenta-vuit

nou-cents quaranta-nou

nou-cents nou

nou-cents quatre

mil u

mil

nou-cents noranta

dos mil

mil dos-cents trenta-quatre

mil dotze

dos mil tres-cents quaranta-
cinc

dos mil vint-i-tres

dos mil dos

3000

3003

4000

4045

5000

5678

6000

7000

7890

8000

8901

9000

9090

10.000

10.001

20.020

30.300

44.000

100.000

500.000

1.000.000

quatre mil

tres mil tres

tres mil

cinc mil sis-cents setanta-
vuit

cinc mil

quatre mil quaranta-cinc

set mil vuit-cents noranta

set mil

sis mil

nou mil

vuit mil nou-cents un

vuit mil

deu mil u

deu mil

nou mil noranta

quaranta-quatre mil

trenta mil tres-cents

vint mil vint

un milió

cinc-cents mil

cent mil

6.000.000

10.000.000

70.000.000

100.000.000

800.000.000

1.000.000.000

9.000.000.000

10.000.000.000

20.000.000.000

100.000.000.000

300.000.000.000

1.000.000.000.000

setanta milions

deu milions

sis milions

mil milions

vuit-cents milions

cent milions

vint mil milions

deu mil milions

nou mil milions

un bilió

tres-cents mil milions

cent mil milions

Động từ

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

venir
vinc, vingut

pensar
penso, pensat

saber
sé, sabut

trobar
trobo, trobat

agafar
agafo, agafat

posar
poso, posat

parlar
parlo, parlat

treballar
treballo, treballat

escoltar
escolto, escoltat

ajudar
ajudo, ajudat

agradar
agrado, agradat

donar
dono, donat

esperar
espero, esperat

trucar
truco, trucat

estimar
estimo, estimat

tancar
tanco, tancat

seure
sec, segut

mantenir
mantinc, mantingut

guanyar
guanyo, guanyat

perdre
perdo, perdut

obrir
obro, obert

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

encendre
encenc, encès

viure
visc, viscut

morir
moro, mort

ferir
fereixo, ferit

matar
mato, matat

apagar
apago, apagat

beure
bec, begut

mirar
miro, mirat

tocar
toco, tocat

conèixer
conec, conegut

caminar
camino, caminat

menjar
menjo, menjat

seguir
segueixo, seguit

petonejar
petonejo, petonejat

apostar
aposto, apostat

preguntar
pregunto, preguntat

respondre
responc, respost

casar
caso, casat

prémer
premo, premut

empènyer
empenyo, empès

tirar
tiro, tirat

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

lluitar
lluïto, lluïtat

agafar
agafo, agafat

colpejar
colpejo, colpejat

llegir
llegeixo, llegit

córrer
corro, corregut

llançar
llanço, llançat

contar
conto, contat

arreglar
arreglo, arreglat

escriure
escric, escrit

comprar
compro, comprat

vendre
venc, venut

tallar
tallo, tallat

somiar
somio, somiat

estudiar
estudio, estudiant

pagar
pago, pagat

celebrar
celebro, celebrat

jugar
jugo, jugat

dormir
dormo, dormit

disparar
disparo, disparat

netejar
netejo, netejat

gaudir
gaudeixo, gaudit

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

robar
robo, robat

atacar
ataco, atacat

defensar
defenso, defensat

volar
volo, volat

rescatar
rescato, rescatat

cremar
cremo, cremat

mossegar
mossego, mossegat

donar puntades
dono puntades, donat puntades

escopir
escupo, escopit

plorar
ploro, plorat

olorar
oloro, olorat

respirar
respiro, respirat

riure
ric, rigut

somriure
somric, somrigut

cantar
canto, cantat

discutir
discuteixo, discutit

encongir
encongeixo, encongit

crèixer
creixo, crescut

amagar
amago, amagat

alimentar
alimento, alimentat

compartir
comparteixo, compartit

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

saltar
salto, saltat

nedar
nedo, nedat

avisar
aviso, avisat

entregar
entrego, entregat

cavar
cavo, cavat

aixecar
aixeco, aixecat

viatjar
viatjo, viatjat

practicar
practico, practicat

buscar
busco, buscat

tancar
tanco, tancat

obrir
obro, obert

pintar
pinto, pintat

cuinar
cuino, cuinat

pregar
prego, pregat

rentar
rento, rentat

citar
cito, citat

cridar
crido, cridat

vomitar
vomito, vomitat

guanyar
guanyo, guanyat

calcular
calculo, calculat

imprimir
imprimeixo, imprès

Tính từ

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

pocs

poques

vell

vella, vells, velles

nou

nova, nous, noves

correcte

correcta, correctes, correctes

incorrecte

incorrecta, incorrectes, incorrectes

molts

moltes

feliç

feliç, feliços, felices

bo

bona, bons, bones

dolent

dolenta, dolents, dolentes

petit

petita, petits, petites

llarg

llarga, llargs, llargues

curt

curta, curts, curtes

jove

jove, joves, joves

bonic

bonica, bonics, boniques

gran

gran, grans, grans

negre

negres

blanc

blancs

vell

vella, vells, velles

verd

verds

blau

blaus

vermell

vermells

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

ràpid
ràpida, ràpids, ràpides

lent
lenta, lents, lentes

groc
grocs

just
justa, justs, justes

injust
injusta, injusts, injustes

divertit
divertida, divertits, divertides

ric
rica, rics, riques

fàcil
fàcil, fàcils, fàcils

difícil
difícil, difícils, difícils

feble
feble, febles, febles

fort
forta, forts, fortes

pobre
pobra, pobres, pobres

orgullós
orgullosa, orgullosos, orgulloses

cansat
cansada, cansats, cansades

segur
segura, segurs, segures

saludable
saludable, saludables, saludables

malalt
malalta, malalts, malaltes

ple
plena, plens, plenes

alt
alta, alts, altes

baix
baixa, baixos, baixes

enfadat
enfadada, enfadats, enfadades

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

suau

suau, suaus, suaus

àcid

àcida, àcids, àcides

dolç

dolça, dolços, dolces

estúpid

estúpida, estúpids, estúpides

bonic

bonica, bonics, boniques

dur

dura, durs, dures

alt

alta, alts, altes

ocupat

ocupada, ocupats, ocupades

boig

boija, boigs, boiges

sorprès

sorpresa, sorpresos, sorpreses

preocupat

preocupada, preocupats, preocupades

baix

baixa, baixos, baixes

intel·ligent

intel·ligent, intel·ligents, intel·ligents

malvat

malvada, malvats, malvades

educat

educada, educats, educades

taronja

taronges

calent

calenta, calents, calentes

fred

freda, freds, fredes

rosa

roses

marró

marrons

gris

grisos

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lleuger

lleugera, lleugers, lleugeres

pesat

pesada, pesats, pesades

avorrit

avorrida, avorrits, avorrides

assedegat

assedegada, assedegats,
assedegades

famolenc

famolenca, famolencs, famolenques

solitari

solitària, solitaris, solitàries

pla

plana, plans, planes

abrupte

abrupta, abruptes, abruptes

trist

trista, trists, tristes

profund

profunda, profunds, profundes

ampli

àmplia, amplis, àmplies

estret

estreta, estrets, estretes

brut

bruta, bruts, brutes

enorme

enorme, enormes, enormes

poc profund

poc profunda, poc profunds, poc
profundes

buit

buida, buits, buides

ple

plena, plens, plenes

net

neta, nets, netes

atractiu

atractiva, atractius, atractives

barat

barata, barats, barates

car

cara, cars, cares

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

generós

generosa, generosos, generoses

valent

valenta, valents, valentes

mandrós

mandrosa, mandrosos, mandroses

fort

forta, forts, fortes

sec

seca, secs, seques

mullat

mullada, mullats, mullades

plujós

plujosa, plujosos, plujoses

assolellat

assolellada, assolellats, assolellades

tranquil

tranquil·la, tranquils, tranquil·les

ennuolat

ennuolada, ennuolats,
ennuolades

boirós

boirosa, boirosos, boirosses

Thể thao

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

F
carrera a peu

M
tennis

F
gimnàstica

M
futbol

M
golf

M
ciclisme

M
busseig

F
natació

M
bàsquet

M
triatló

F
marató

M
senderisme

F
boxa

F
halterofília

M
tennis taula

M
surf de neu

M
patinatge artístic sobre gel

M
bàdminton

M
hoquei sobre gel

M
esquí de fons

M
esquí

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

M
voleibol de platja

M
handbol

M
voleibol

M
beisbol

M
criquet

M
rugbi

M
salt

M
waterpolo

M
futbol americà

M
rem

F
vela

M
surf

M
paracaigudisme

F
dansa

M
ioga

F
bitlles

M
poker

M
escacs

M
ballet

Động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

M
cavall
cavalls

F
vaca
vaques

M
porc
porcs

M
mico
micos

F
ovella
ovelles

M
gos
gossos

M
pollastre
pollastres

M
os
ossos

M
gat
gats

F
abella
abelles

F
papallona
papallones

M
ànec
ànecs

F
serp
serps

F
aranya
aranyes

M
peix
peixos

M
conill
conills

M
ratolí
ratolins

M
tigre
tigres

M
elefant
elefants

M
ase
ases

M
lleó
lleons

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

M
mosquit
mosquits

F
cuca
cuques

M
colom
coloms

F
balena
balenes

F
formiga
formigues

F
mosca
mosques

M
cargol
cargols

M
dofí
dofins

M
tauró
taurons

M
os polar
ossos polars

M
panda
pandes

F
granota
granotes

M
cangur
cangurs

M
coala
coales

M
llop
llops

M
hipopòtam
hipopòtams

F
guineu
guineus

F
girafa
girafes

M
cigne
cignes

M
corb
corbs

M
ratpenat
ratpenats

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

M
pingüí
pingüins

M
mussol
mussols

F
gavina
gavines

F
libèl·lula
libèl·lules

F
eruga
erugues

M
lloro
lloros

M
cavallet de mar
cavallets de mar

M
pop
pops

M
calamar
calamars

M
cranc
crancs

F
medusa
meduses

F
foca
foques

M
cocodril
cocodrils

F
tortuga
tortugues

M
dinosaure
dinosaurès

Quốc gia

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amèrica

Àsia

Europa

Espanya

Regne Unit

Àfrica

França

Itàlia

Suïssa

Singapur

Tailàndia

Alemanya

Israel

Japó

Rússia

Estats Units d'Amèrica

Xina

Índia

Xile

Canadà

Mèxic

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Sud-Àfrica

Argentina

Brasil

Líbia

Marroc

Nigèria

Egipte

Algèria

Kenya

Austràlia

Nova Zelanda

Cơ thể

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

M
cabell
cabells

M
nas
nassos

M
cap
caps

M
ull
ulls

F
orella
orelles

F
boca
boques

M
cor
cors

M
peu
peus

F
mà
mans

M
cul
culs

M
coll
colls

M
cervell
cervells

F
cama
cames

M
genoll
genolls

F
espatlla
espatlles

M
pit
pits

M
ventre
ventres

M
braç
braços

F
llengua
llengües

F
dent
dents

F
esquena
esquenes

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

M
dit del peu
dits del peu

M
dit
dits

M
llavi
llavis

M
fetge
fetges

M
pulmó
pulmons

M
estómac
estómacs

M
intestí
intestins

M
ronyó
ronyons

M
nervi
nervis

F
galta
galtes

M
mentó
mentons

M
front
fronts

M
dit petit
dits petit

M
polze
polzes

F
barba
barbes

M
dit índex
dits índex

M
dit del cor
dits del cor

M
dit anular
dits anular

F
columna vertebral
columnes vertebrals

M
taló
talons

F
ungla
ungles

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

M
esquelet
esquelets

M
os
ossos

M
múscul
músculs

F
bufeta
bufetes

F
vèrtebra
vèrbres

F
costella
costelles

F
vagina
vagines

F
artèria
artèries

F
vena
venes

M
testicle
testicles

M
penis
penis

F
esperma
espermes

Ngôi nhà

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

M
bany
banys

F
cuina
cuines

F
porta
portes

M
jardí
jardins

M
dormitori
dormitoris

F
sala d'estar
sales d'estar

M
soterrani
soterranis

F
paret
parets

M
garatge
garatges

M
sostre
sostres

F
escales
escales

M
lavabo
lavabos

F
tassa
tasses

M
ganivet
ganivets

F
finestra
finestres

F
tassa
tasses

M
plat
plats

M
vidre
vidres

M
escriptori
escriptoris

M
bol
bols

M
cubell d'escombraries
cubells d'escombraries

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

F
dutxa
dutxes

M
mirall
miralls

M
llit
llits

M
rellotge
rellotges

F
imatge
imatges

M
sofà
sofàs

M
veí
veïns

F
cadira
cadires

F
taula
taules

M
àtic
àtics

M
balcó
balcons

M
ascensor
ascensors

M
escuradents
escuradents

F
cullera de fusta
culleres de fusta

F
xemeneia
xemeneies

F
forquilla
forquilles

F
cullera
culleres

M
coberts
coberts

F
paella
paelles

F
olla
olles

M
cullerot
cullerots

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

F
cortina
cortines

M
prestatge per a llibres
prestatges per a llibres

F
bombeta
bombetes

F
manta
mantes

M
coixí
coixins

M
matalàs
matalassos

M
armari
armaris

M
calaix
calaixos

M
prestatge
prestatges

F
escala
escales

F
escombra
escombres

F
cubeta
cubetes

F
tovallola de bany
tovallols de bany

F
banyera
banyeres

F
cistella de la roba
cistelles de la roba

F
tovallola
tovallols

M
paper de vàter
papers de vàter

M
sabó
sabons

F
bústia de correu
bústies de correu

F
escala
escales

M
lavabo
lavabos

hàng rào



F
tanca
tanques

Thức ăn

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

F
llet
llets

M
formatge
formatges

M
ou
ous

M
os
ossos

F
carn
carns

M
peix
peixos

M
sucré
sucres

M
pa
pans

M
oli
olis

M
pastís
pastissos

M
caramel
caramels

F
xocolata
xocolates

M
te
tes

M
cafè
cafès

F
aigua
aigües

F
amanida
amanides

M
vi
vins

F
cervesa
cerveses

M
esmorzar
esmorzars

F
postres
postres

F
sopa
sopes

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

F
pizza
pizzas

M
sopar
sopars

M
dinar
dinars

M
iogurt
iogurts

F
mantega
mantegues

M
gelat
gelats

M
pernil
pernils

M
salmó
salmons

F
tonyina
tonyines

F
carn de gall dindi
carns de gall dindi

F
salsitxa
salsitxes

F
cansalada
cansalades

F
carn de porc
carns de porc

F
carn de vedella
carns de vedella

F
carn de pollastre
carns de pollastre

M
bolet
bolets

F
carbassa
carbasses

F
carn de xai
carns de xai

M
porro
porros

M
all
alls

F
trufa
trufes

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

M
moniato
moniatos

F
albergínia
albergínies

M
gingebre
gingebres

M
bitxo
bitxos

M
cogombre
cogombres

F
pastanaga
pastanagues

F
patata
patates

F
ceba
cebes

M
pebrot
pebrots

M
bròquil
bròquils

F
col
cols

F
coliflor
coliflors

M
bambú
bambús

M
espinacs
espinacs

M
enciam
enciams

M
pèsol
pèsols

M
api
apis

M
blat de moro
blats de moro

F
poma
pomes

F
pera
peres

M
fesol
fesols

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

M
dàtil
dàtils

F
figa
figues

F
oliva
olives

F
avellana
avellanes

F
ametlla
ametlles

M
coco
cocos

M
mango
mangos

M
plàtan
plàtans

M
cacauet
cacauets

F
pinya
pinyes

M
alvocat
alvocats

M
kiwi
kiwis

M
meló
melons

M
raïm
raïms

F
síndria
síndries

F
maduixa
maduixes

M
nabiu
nabius

M
gerd
gerds

M
albercoc
albercocs

F
pruna
prunes

F
cirera
cireres

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

F
aranja
aranges

F
llimona
llimones

M
préssec
préssecs

F
menta
mentes

M
tomàquet
tomàquets

F
taronja
taronges

F
vainilla
vainilles

F
canyella
canyelles

F
citronel·la
citronel·les

M
curri
curris

M
pebre
pebres

F
sal
sals

M
vinagre
vinagres

M
tofu
tofus

M
tabac
tabacs

F
farina
farines

F
llet de soja
llets de soja

M
fideu
fideus

M
blat
blats

F
civada
civades

M
arròs
arrossos

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

F
mel
mels

F
nou
nous

F
soja
soges

M
crep americana
creps americana

M
xiclet
xiclets

F
melmelada
melmelades

M
muffin
muffins

M
púding
púdings

F
galeta
galetes

M
suc de taronja
sucs de taronja

F
beguda energètica
begudes energètiques

M
donut
donuts

F
cola
coles

M
batut de llet
batuts de llet

M
suc de poma
sucs de poma

M
rom
roms

M
còctel
còctels

F
xocolata calenta
xocolates calentes

M
menú
menús

M
vodka
vodkes

M
whisky
whiskys

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

M
sushi
sushis

M
espaguetis
espaguetis

M
marisc
mariscs

F
ales de pollastre
ales de pollastres

F
patates xips
patates xips

F
crispetes
crispetes

F
maionesa
maioneses

F
mostassa
mostasses

F
patates fregides
patates fregides

M
hot dog
hot dogs

M
entrepà
entrepans

F
salsa de tomàquet
salses de tomàquet

F
hamburguesa
hamburgueses

Trường học

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

ngiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

M
deures
deures

F
biblioteca
biblioteques

M
llibre
llibres

F
ciència
ciències

F
l·liçó
l·liçons

M
examen
exàmens

M
bolígraf
bolígrafs

M
art
arts

F
història
històries

M
segon
segons

M
primer
primers

M
llapis
llapis

F
recerca
recerques

M
quart
quarts

M
tercer
tercers

M
diccionari
diccionaris

M
camp esportiu
camps esportius

M
grau
graus

F
geometria
geometries

M
quadern
quaderns

M
trimestre
trimestres

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

3%

100%

0%

mét khối

F
economia
economies

F
filosofia
filosofies

F
política
polítiques

F
matemàtiques
matemàtiques

F
biologia
biologies

F
educació física
educacions físiques

F
química
químiques

F
literatura
literatures

F
geografia
geografies

F
goma d'esborrar
gomes d'esborrar

M
regle
regles

F
física
físiques

F
cola
coles

F
cinta adhesiva
cintes adhesives

F
tisoires
tisoires

tres per cent

M
clip
clips

M
bolígraf
bolígrafs

M
metre cúbic
metres cúbics

zero per cent

cent per cent

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

M
metre
metres

F
milla
milles

M
metre quadrat
metres quadrats

M
decímetre
decímetres

M
centímetre
centímetres

M
mil·límetre
mil·límetres

F
multiplicació
multiplicacions

F
resta
restes

F
suma
sumes

M
volum
volums

F
àrea
àrees

F
divisió
divisions

M
triangle
triangles

M
quadrat
quadrats

M
rectangle
rectangles

M
mil·lilitre
mil·lilitres

M
litre
litres

M
cercle
cercles

M
gram
grams

M
quilogram
quilograms

F
tona
tones

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

M
embut
embuts

M
microscopi
microscopis

M
imant
imants

F
conferència
conferències

M
laboratori
laboratoris

Thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

M
diamant
diamants

M
foc
focs

F
cendra
cendres

F
estrella
estrelles

M
sol
sols

F
lluna
llunes

M
llac
llacs

F
costa
costes

M
planeta
planetes

M
turó
turons

M
desert
deserts

M
bosc
boscós

F
vall
valls

M
riu
rius

F
roca
roques

M
oceà
oceans

F
illa
illes

F
muntanya
muntanyes

F
neu
neus

M
gel
gels

M
mar
mars

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

M
vent
vents

F
pluja
pluges

F
tempesta
tempestes

F
rosa
roses

F
herba
herbes

M
arbre
arbres

M
sòl
sòls

M
metall
metalls

F
flor
flors

F
sorra
sorres

M
carbó
carbons

F
lava
laves

M
satèl·lit
satèl·lits

M
coet
coets

F
argila
argiles

M
continent
continents

M
asteroide
asteroides

F
galàxia
galàxies

M
pol nord
pols nord

M
pol sud
pols sud

M
equador
equadors

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

F
cova
coves

F
selva tropical
selves tropicals

M
corrent
corrents

F
glacera
glaceres

F
riba
ribes

F
cascada
cascades

M
volcà
volcans

M
cràter
cràters

M
terratrèmol
terratrèmols

F
boira
boires

F
inundació
inundacions

F
atmosfera
atmosferes

M
raig
raigs

M
tro
trons

M
arc de Sant Martí
arcs de Sant Martí

M
tifó
tifons

F
temperatura
temperatures

F
tempesta elèctrica
tempestes elèctriques

F
branca
branques

M
núvol
núvols

M
huracà
huracans

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

M
tronc
troncs

F
arrel
arrels

F
fulla
fulles

M
diòxid de carboni
diòxids de carboni

M
plàstic
plàstics

F
llavor
llavors

M
oxigen
oxigens

M
ferro
ferros

M
àtom
àtoms

F
plata
plates

M
or
ors

Giao thông

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

M
tren
trens

M
autobús
autobusos

M
cotxe
cotxes

M
avió
avions

F
parada d'autobús
parades d'autobús

F
estació de tren
estacions de tren

F
bicicleta
bicicletes

M
camió
camions

M
vaixell
vaixells

M
semàfor
semàfors

M
taxi
taxis

F
motocicleta
motocicletes

F
bateria
bateries

F
carretera
carreteres

M
aparcament
aparcaments

M
volant
volants

M
coixí de seguretat
coixins de seguretat

M
motor
motors

M
maleter
maleters

M
pneumàtic
pneumàtics

M
cinturó de seguretat
cinturons de seguretat

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

M
metro
metros

F
taquilla
taquilles

F
**màquina expenedora de
bitllets**
màquines expenedores de bitllets

M
tramvia
tramvies

F
locomotora
locomotores

M
tren d'alta velocitat
trens d'alta velocitat

M
aeroport
aeroports

M
minibus
minibuses

M
autobús escolar
autobusos escolars

F
primera classe
primeres classes

M
helicòpter
helicòpters

F
aerolínia
aerolínies

F
armilla salvavides
armilles salvavides

F
classe executiva
classes executives

F
classe turista
classes turistes

M
creuer
creuers

M
submarí
submarins

M
contenedor
contenedors

M
ferri
ferris

M
iot
iots

M
vaixell mercant
vaixells mercants

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

M
radar
radars

M
bot salvavides
bots salvavides

M
port
ports

F
benzinera
benzineres

M
paviment
paviments

F
llum del carrer
llums del carrer

M
embús de trànsit
embussos de trànsit

M
pas de vianants
passos de vianants

M
lloc de construcció
llocs de construcció

F
excavadora
excavadores

M
tanc
tancs

F
autopista
autopistes

M
ciclomotor
ciclomotors

M
remolc
remolcs

M
tractor
tractors

M
telefèric
telefèrics

Thành phố

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

F
casa
cases

F
escola
escoles

M
hospital
hospitals

M
supermercat
supermercats

M
mercat
mercats

F
factura
factures

F
granja
granges

F
universitat
universitats

M
apartament
apartaments

M
bar
bars

M
restaurant
restaurants

F
església
esglésies

M
lavabo
lavabos

M
parc
parcs

M
gimnàs
gimnasos

F
polícia
policies

F
ambulància
ambulàncies

M
mapa
mapes

M
suburbi
suburbis

M
país
països

M
bomber
bombers

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

M
centre comercial
centres comercials

F
garantia
garanties

M
poble
pobles

M
castell
castells

M
gratacel
gratacels

F
farmàcia
farmàcies

M
temple
temples

F
sinagoga
sinagogues

F
ambaixada
ambaixades

M
ajuntament
ajuntaments

F
mesquita
mesquites

F
fàbrica
fàbriques

F
discoteca
discoteques

F
font
fonts

F
oficina de correus
oficines de correus

M
estadi de futbol
estadis de futbol

M
camp de golf
camps de golf

M
banc
bancs

F
informació turística
informacions turístiques

F
pista de tennis
pistes de tennis

F
piscina
piscines

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

M
museu
museus

F
galeria d'art
galleries d'art

M
casino
casinos

M
aquari
aquaris

M
record
records

M
parc nacional
parcs nacionals

M
parc aquàtic
parcs aquàtics

F
mntanya russa
muntanyes russes

M
tobogan
tobogans

F
sortida d'emergència
sortides d'emergència

M
parc infantil
parcs infantils

M
zoològic
zoològics

F
comissaria
comissaries

M
extintor
extintors

F
alarma d'incendis
alarmes d'incendis

F
capital
capitals

F
regió
regions

M
estat
estats

Bệnh viện

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

F
cirurgia
cirurgies

M
pacient
pacients

M
accident
accidents

F
tos
tos

F
febre
febres

F
píndola
píndoles

F
sala d'espera
sales d'espera

F
unitat de cures intensives
unitats de cures intensives

F
sala d'emergències
sales d'emergències

F
data de caducitat
dates de caducitat

F
pastilla per dormir
pastilles per dormir

F
aspirina
aspirines

M
efecte secundari
efectes secundaris

M
xarop per a la tos
xarops per a la tos

F
dosificació
dosificacions

F
càpsula
càpsules

F
pols
pols

F
insulina
insulines

M
antibiòtics
antibiòtics

M
analgèsic
analgèsics

F
vitamina
vitamines

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

M
atac de cor
atacs de cor

M
virus
virus

M
bacteri
bacteris

M
accident cerebrovascular
accidents cerebrovasculars

F
diabetis
diabetis

F
diarrea
diarrees

F
grip
grips

M
càncer
càncers

F
asma
asmes

M
mal de coll
mals de coll

F
cremada solar
cremades solars

M
mal de queixal
mals de queixal

F
al·lèrgia
al·lèrgies

F
infecció
infeccions

M
mal de panxa
mals de panxa

F
xeringa
xeringues

M
mal de cap
mals de cap

F
rampa
rampes

F
màquina d'ultrasò
màquines d'ultrasò

F
radiografia
radiografies

F
crossa
crosses

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

M
guix ortopèdic
guixos ortopèdics

F
cadira de rodes
cadires de rodes

M
guix
guixos

F
emergència
emergències

F
lesió
lesions

M
pols
polsos

F
fractura
fractures

F
cremada
cremades

F
commoció
commocions

M
test d'embaràs
tests d'embaràs

F
píndola anticonceptiva
píndoles anticonceptives

Nghề nghiệp

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

M
polícia
policies

F
infermera
infermeres

M
metge
metges

M
detectiu
detectius

M
capità
capitans

M
president
presidents

M
professor
professors

M
professor
professors

M
pilot
pilots

M
ajudant
ajudants

F
secretària
secretàries

M
advocat
advocats

M
cuiner
cuiners

M
gerent
gerents

M
jutge
jutges

M
model
models

M
conductor d'autobús
conductors d'autobús

M
taxista
taxistes

M
farmacèutic
farmacèutics

M
primer ministre
primers ministres

M
artista
artistes

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

M
empresari
empresaris

M
dentista
dentistes

M
bomber
bombers

F
hostessa
hostesses

M
programador
programadors

M
polític
polítics

M
arquitecte
arquitectes

F
mestra de llar d'infants
mestres de llar d'infants

M
científic
científics

M
fiscal
fiscals

M
consultor
consultors

M
comptable
comptables

M
arrendador
arrendadors

M
guardaespatlles
guardaespatlles

M
director general
directors generals

M
soldat
soldats

M
guàrdia de seguretat
guàrdies de seguretat

M
cambrer
cambrers

M
lampista
lampistes

M
neteja
netejadors

M
pescador
pescadors

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

M
repcionista
repcionistes

M
agricultor
agricultors

M
electricista
electricistes

M
perruquer
perruquers

M
caixer
caixers

M
carter
carters

M
fotògraf
fotògrafs

M
periodista
periodistes

M
autor
autors

M
músic
músics

M
cantant
cantants

M
socorrista
socorristes

M
entrenador
entrenadors

M
periodista
periodistes

M
actor
actors

M
àrbitre
àrbitres

Kinh doanh

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

M
estrès
estressos

F
oficina
oficines

M
diners
diners

M
departament
departaments

M
personal
personals

F
assegurança
assegurances

F
carta
cartes

F
adreça
adreces

M
sou
sous

M
correu electrònic
correus electrònics

F
url
urls

M
número de telèfon
números de telèfon

F
signatura
signatures

M
correu electrònic
correus electrònics

M
lloc web
llocs web

M
client
clients

M
benefici
beneficis

F
pèrdua
pèrdues

F
contrasenya
contrasenyes

F
targeta de crèdit
targetes de crèdit

F
quantitat
quantitats

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

F
sala de reunions
sales de reunions

M
impost
impostos

M
caixer automàtic
caixers automàtics

M
recursos humans
recursos humans

F
informàtica
informàtiques

F
targeta de negocis
targetes de negocis

M
màrqueting
màrqueting

F
comptabilitat
comptabilitats

M
departament legal
departaments legals

M
empresari
empresaris

M
col·lega
col·legues

F
vendes
vendes

F
presentació
presentacions

F
nota
notes

M
empleat
empleats

M
projector
projectors

M
segell de goma
segells de goma

F
carpeta
carpetes

M
sobre
sobres

M
segell
segells

M
paquet
paquets

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

F
borsa
borses

F
inversió
inversions

M
navegador
navegadors

M
interès
interessos

F
moneda
monedes

M
bitllet
bitllets

M
compte bancari
comptes bancaris

M
número de compte
números de compte

M
préstec
préstecs

Thiết bị

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

F
càmera
càmeres

M
televisor
televisors

M
telèfon
telèfons

M
aire condicionat
aires condicionats

M
ventilador
ventiladors

F
ràdio
ràdios

F
aspiradora
aspiradores

F
torradora
torradores

F
cafetera
cafeteres

M
rentaplats
rentaplats

M
bullidor d'aigua
bullidors d'aigua

M
assecador de cabell
assecadors de cabell

M
microones
microones

M
forn
forns

F
cuina
cuines

M
comandament a distància
comandaments a distància

F
rentadora
rentadores

F
nevera
neveres

M
teclat
teclats

M
ratolí
ratolins

M
auriculars
auriculars

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

M
escàner
escàners

F
memòria USB
memòries USB

M
disc dur
discos durs

M
portàtil
portàtils

F
pantalla
pantalles

F
impressora
impressores

M
altaveu
altaveus

M
robot
robots